

Số: 02^{tb}/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 05 tháng 01 năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài. (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 02^b/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 05 tháng 01 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Đình Thanh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 103/CKTC-NSNN; Biểu số 104/CKTC-NSNN; Biểu số 105/CKTC-NSNN; Biểu số 108/CKTC-NSNN; Biểu số 109/CKTC-NSNN; Biểu số 110/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 05/01/2021 đến hết ngày 04/02/2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết



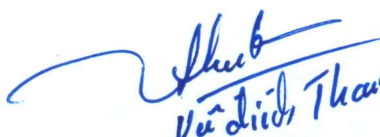
Vũ Thị Ngọc



CHỦ TỊCH

Vũ Văn Hạnh

Các thành viên

 Vũ Đình Thanh	 Đỗ Văn Vững
	 Phạm Văn Tiến

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 02⁶/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 04 tháng 02 năm 2021. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Đình Thanh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2021.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 05/01/2021 đến hết ngày 04/02/2021 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



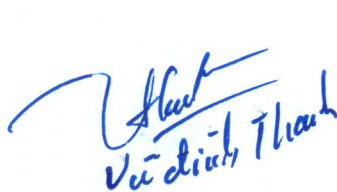
Vũ Thị Ngọc



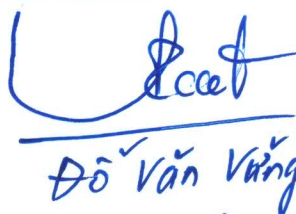
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Vũ Đình Thanh



Đỗ Văn Vững



Phạm Văn Tiến



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.520.388.000	TỔNG SỐ CHI	5.520.388.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	200.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.200.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000.000	II. Chi thường xuyên	4.320.388.000
III. Thu bổ sung	3.899.388.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640.000		
- Bổ sung có mục tiêu	162.748.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Cẩm Đoài

Biểu số 108/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.520.388	TỔNG SỐ CHI	5.520.388
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	200.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.200.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000	II. Chi thường xuyên	4.320.388
III. Thu bổ sung	3.899.388	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640		
- Bổ sung có mục tiêu	162.748		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu		5.520.388
I	Các khoản thu 100%		200.000
1	Phí, lệ phí		25.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		145.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		30.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.421.000
1	Các khoản thu phân chia		197.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		180.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.224.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.200.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.899.388
1	Thu bổ sung cân đối		3.736.640
2	Thu bổ sung có mục tiêu		162.748

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.520.388.000	1.200.000.000	4.320.388.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	1.200.000.000	1.200.000.000	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000.000		70.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000.000		15.000.000
6	Chi thể dục, thể thao			
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế			
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.576.740.100		3.576.740.100
10	Chi cho công tác xã hội	232.395.000		232.395.000
11	Chi khác	426.252.900		426.252.900
12	Dự phòng			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]



UBND Xã Cẩm Đoài

Biểu số 104/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2021		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B						
	Tổng số thu		18.959.281		5.520.388		29,12
I	Các khoản thu 100%		518.410		200.000		38,58
1	Phí, lệ phí		11.189		25.000		223,43
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		502.571		145.000		28,85
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		4.650				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác				30.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		9.717.283		1.421.000		14,62
1	Các khoản thu phân chia		212.636		197.000		92,65
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.228		14.000		98,40
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		2.800		3.000		107,14
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		195.608		180.000		92,02
2.1	Thu tiền sử dụng đất		9.504.647		1.224.000		12,88
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước		9.452.884		1.200.000		12,69
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		34.508		16.000		46,37
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		17.254		8.000		46,37
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		2.225.978				



STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2021		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		6.497.610		3.899.388		60,01
1	Thu bổ sung cân đối		4.241.496		3.736.640		88,10
2	Thu bổ sung có mục tiêu		2.256.114		162.748		7,21



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91^a/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 01 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã quý 1 năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã quý 1 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I
NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 91^a/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 1 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 01 tháng 4 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Đình Thanh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 1 năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 01/4/2021 đến hết ngày 01/5/2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Ngọc

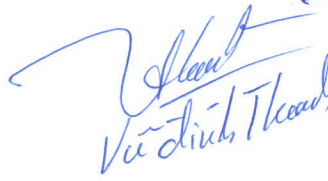


Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Đỗ Văn Vững



Vũ Đình Thanh



Phạm Văn Tiến



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.375.388	5.101.530	94,91
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000	27.211	49,47
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000	20.986	1,48
3	Thu bổ sung	3.899.388	3.814.148	97,81
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640	2.000.000	53,52
	- Bổ sung có mục tiêu	162.748	1.814.148	1.114,70
4	Thu chuyển nguồn		1.239.185	
II	TỔNG SỐ CHI	5.287.993	2.764.782	52,28
1	Chi đầu tư phát triển	1.200.000	1.497.757	124,81
2	Chi thường xuyên	4.087.993	1.267.025	30,99
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		5.520.388		5.101.530		92,41
I	Các khoản thu 100%		200.000		27.211		13,61
1	Phí, lệ phí		25.000		2.411		9,64
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		145.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				24.800		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		30.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.421.000		20.986		1,48
1	Các khoản thu phân chia		197.000		20.302		10,31
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000		138		0,99
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000		1.800		60,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		180.000		18.364		10,20
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.224.000		684		0,06
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.200.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000		456		2,85
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000		228		2,85
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				1.239.185		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.899.388		3.814.148		97,81
1	Thu bổ sung cân đối		3.736.640		2.000.000		53,52
2	Thu bổ sung có mục tiêu		162.748		1.814.148		1.114,70



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.520.388	1.200.000	4.320.388	3.978.469	1.497.757	2.480.712	72,07	124,81	57,42
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				82.987		82.987			
	Chi dân quân tự vệ				62.850		62.850			
	Chi trật tự an toàn xã hội				20.137		20.137			
1	Chi giáo dục	1.200.000	1.200.000		1.497.757	1.497.757		124,81	124,81	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000		70.000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000		15.000						
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				1.130.700		1.130.700			
	Trong đó: Quỹ lương				499.573		499.573			
	Quản lý Nhà nước				844.274		844.274			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				132.277		132.277			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				63.980		63.980			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				25.714		25.714			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				24.099		24.099			
	Hội Cựu chiến binh				11.931		11.931			



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Nông dân				28.427		28.427			
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.576.740		3.576.740	1.130.700		1.130.700	31,61		31,61
10	Chi cho công tác xã hội	232.395		232.395	53.338		53.338	22,95		22,95
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				53.338		53.338			
	Khác									
11	Chi khác	426.253		426.253	82.987		82.987	19,47		19,47
	Chi khác									
	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									



**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 1 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 04 tháng 5 năm 2021. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

Ông Vũ Văn Hạnh

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Phó chủ tịch

Bà Vũ Thị Ngọc

Chức vụ: Tài chính - Kế toán

Ông Đỗ Văn Vững

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 1 năm 2021.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 01/4/2021 đến hết ngày 04/5/2021 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách, người lao động trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 1 năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc

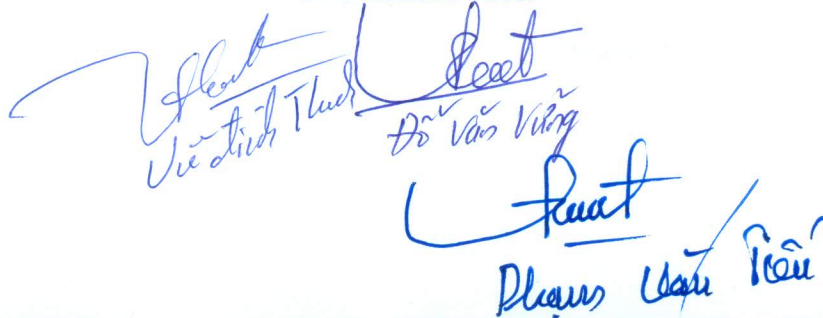


CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ^a147/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 01 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã quý 2 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II
NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Đình Thanh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 01/8/2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Vũ Thị Ngọc

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 2 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 02 tháng 8 năm 2021. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

Ông Vũ Văn Hạnh

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Phó chủ tịch

Bà Vũ Thị Ngọc

Chức vụ: Tài chính - Kế toán

Ông Đỗ Văn Vững

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Trưởng ban TTND

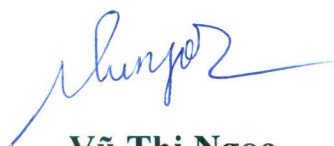
Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2021.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 02/8/2021 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách, người lao động trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 2 năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc



CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Vũ Đình Thanh



Đỗ Văn Vững



Phạm Văn Tiến

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.375.388	517.693	9,63
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000	142.651	259,37
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000	234.742	16,52
3	Thu bổ sung	3.899.388	140.300	3,60
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640		
	- Bổ sung có mục tiêu	162.748	140.300	86,21
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.287.993	1.694.768	32,05
1	Chi đầu tư phát triển	1.200.000	566.290	47,19
2	Chi thường xuyên	4.087.993	1.128.478	27,60
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		5.520.388		517.693		9,38
I	Các khoản thu 100%		200.000		142.651		71,33
1	Phí, lệ phí		25.000				
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		145.000		142.651		98,38
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		30.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.421.000		234.742		16,52
1	Các khoản thu phân chia		197.000		29.641		15,05
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000		13.550		96,79
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000		300		10,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		180.000		15.791		8,77
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.224.000		205.101		16,76
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.200.000		201.885		16,82
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000		2.144		13,40
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000		1.072		13,40
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.899.388		140.300		3,60
1	Thu bổ sung cân đối		3.736.640				
2	Thu bổ sung có mục tiêu		162.748		140.300		86,21

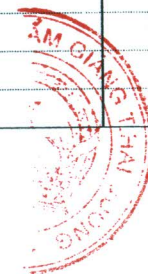


ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.520.388	1.200.000	4.320.388	2.769.908	566.290	2.203.618	50,18	47,19	51,01
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				100.021		100.021			
	Chi dân quân tự vệ				74.400		74.400			
	Chi trật tự an toàn xã hội				25.622		25.622			
1	Chi giáo dục	1.200.000	1.200.000		566.290	566.290		47,19	47,19	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000		70.000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000		15.000						
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				975.119		975.119			
	Trong đó: Quỹ lương				535.286		535.286			
	Quản lý Nhà nước				705.891		705.891			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				128.919		128.919			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				51.208		51.208			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				25.714		25.714			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				19.770		19.770			
	Hội Cựu chiến binh				13.611		13.611			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Nông dân				30.007		30.007			
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.576.740		3.576.740	975.119		975.119	27,26		27,26
10	Chi cho công tác xã hội	232.395		232.395	53.338		53.338	22,95		22,95
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				53.338		53.338			
	Khác									
11	Chi khác	426.253		426.253	100.021		100.021	23,47		23,47
	Chi khác									
	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147^b/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 01 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các các biểu mẫu).

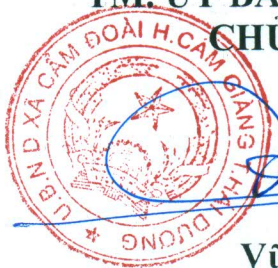
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông Vũ Văn Hạnh
2. Ông Phạm Văn Tiến
3. Bà Vũ Thị Ngọc
4. Ông Đỗ Văn Vững
5. Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Chủ tịch

Chức vụ: Phó chủ tịch

Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 01/8/2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Ngọc



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên


Vũ Đình Thanh
Đỗ Văn Vững
Phạm Văn Tiến

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.375.388	5.619.224	104,54
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000	169.862	308,84
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000	255.729	18,00
3	Thu bổ sung	3.899.388	3.954.448	101,41
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640	2.000.000	53,52
	- Bổ sung có mục tiêu	162.748	1.954.448	1.200,90
4	Thu chuyển nguồn		1.239.185	
II	TỔNG SỐ CHI	5.287.993	4.459.550	84,33
1	Chi đầu tư phát triển	1.200.000	2.064.047	172,00
2	Chi thường xuyên	4.087.993	2.395.503	58,60
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		5.520.388		5.619.224		101,79
I	Các khoản thu 100%		200.000		169.862		84,93
1	Phí, lệ phí		25.000		2.411		9,64
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		145.000		142.651		98,38
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				24.800		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		30.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.421.000		255.729		18,00
1	Các khoản thu phân chia		197.000		49.943		25,35
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000		13.689		97,78
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000		2.100		70,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		180.000		34.155		18,97
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.224.000		205.785		16,81
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.200.000		201.885		16,82
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000		2.600		16,25
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000		1.300		16,25
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				1.239.185		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.899.388		3.954.448		101,41
1	Thu bổ sung cân đối		3.736.640		2.000.000		53,52
2	Thu bổ sung có mục tiêu		162.748		1.954.448		1.200,90



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.520.388	1.200.000	4.320.388	6.748.377	2.064.047	4.684.330	122,24	172,00	108,42
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				183.008		183.008			
	Chi dân quân tự vệ				137.250		137.250			
	Chi trật tự an toàn xã hội				45.758		45.758			
1	Chi giáo dục	1.200.000	1.200.000		2.064.047	2.064.047		172,00	172,00	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000		70.000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000		15.000						
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				2.105.819		2.105.819			
	Trong đó: Quỹ lương				1.034.859		1.034.859			
	Quản lý Nhà nước				1.550.165		1.550.165			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				261.196		261.196			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				115.187		115.187			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				51.427		51.427			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				43.869		43.869			
	Hội Cựu chiến binh				25.542		25.542			



[illegible]

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 02 tháng 8 năm 2021. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

Ông Vũ Văn Hạnh

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Phó chủ tịch

Bà Vũ Thị Ngọc

Chức vụ: Tài chính - Kế toán

Ông Đỗ Văn Vững

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Trưởng ban TTND

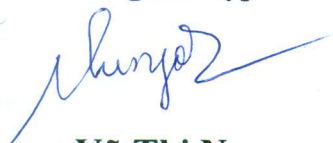
Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 02/8/2021 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách, người lao động trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc

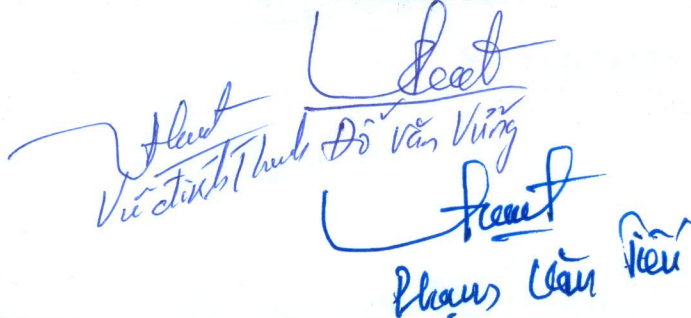


CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM ĐOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 217/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 02 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách xã quý 3 năm 2021.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn dự toán phân bổ ngân sách xã năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu -chi ngân sách xã quý 3 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo các biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III
NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 3 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 02 tháng 10 năm 2021.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

1. Ông Vũ Văn Hạnh
2. Ông Phạm Văn Tiến
3. Bà Vũ Thị Ngọc
4. Ông Đỗ Văn Vững
5. Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Chủ tịch

Chức vụ: Phó chủ tịch

Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 3 năm 2021.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 02/10/2021 đến hết ngày 02/11/2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết



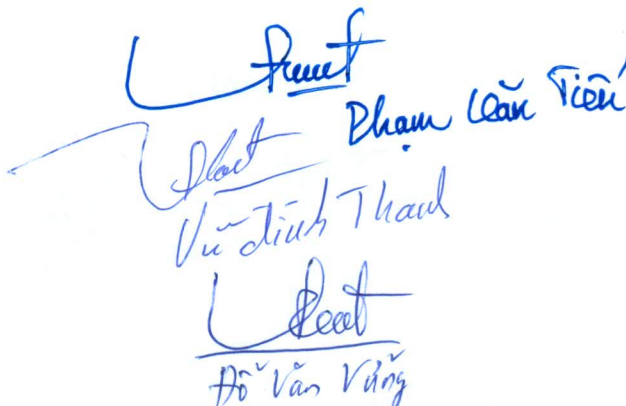
Vũ Thị Ngọc



CHỦ TỊCH

Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



**BIÊN BẢN KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THU CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2021**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021 về việc công bố công khai ngân sách xã quý 3 năm 2021 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2021. Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Đoài. Chúng tôi gồm có:

Ông Vũ Văn Hạnh

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Phó chủ tịch

Bà Vũ Thị Ngọc

Chức vụ: Tài chính - Kế toán

Ông Đỗ Văn Vững

Chức vụ: Công chức Văn phòng

Ông Vũ Đình Thanh

Chức vụ: Trưởng ban TTND

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 3 năm 2021.

Trong thời gian niêm yết từ ngày 02/10/2021 đến hết ngày 02/11/2021 ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của CBCC, bán truyền trách, người lao động trong toàn ủy ban nhất trí với nội dung niêm yết công khai thu chi ngân sách xã quý 3 năm 2021.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc

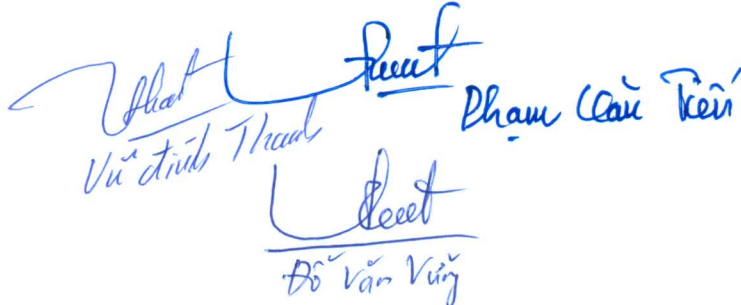


CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Vũ Đình Thanh Phạm Văn Tiến
Đỗ Văn Vững

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.375.388	322.280	6,00
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	55.000	268.864	488,84
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.421.000	53.416	3,76
3	Thu bổ sung	3.899.388		
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.736.640		
	- Bổ sung có mục tiêu	162.748		
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.287.993	1.525.652	28,85
1	Chi đầu tư phát triển	1.200.000	201.885	16,82
2	Chi thường xuyên	4.087.993	1.323.767	32,38
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		5.520.388		322.280		5,84
I	Các khoản thu 100%		200.000		268.864		134,43
1	Phí, lệ phí		25.000		2.998		11,99
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		145.000		254.041		175,20
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				11.825		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		30.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		1.421.000		53.416		3,76
1	Các khoản thu phân chia		197.000		9.445		4,79
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14.000				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000		300		10,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		180.000		9.145		5,08
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.224.000		43.971		3,59
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.200.000		37.387		3,12
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		16.000		2.096		13,10
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		8.000		4.489		56,11
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SỐ SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.899.398				
1	Thu bổ sung cân đối		3.736.640				
2	Thu bổ sung có mục tiêu		162.748				



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.520.388	1.200.000	4.320.388	2.796.181	201.885	2.594.295	50,65	16,82	60,05
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội				107.272		107.272			
	Chi dân quân tự vệ				93.745		93.745			
	Chi trật tự an toàn xã hội				13.526		13.526			
1	Chi giáo dục	1.200.000	1.200.000		201.885	201.885		16,82	16,82	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	70.000		70.000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	15.000		15.000						
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				1.163.257		1.163.257			
	Trong đó: Quỹ lương				509.768		509.768			
	Quản lý Nhà nước				838.346		838.346			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				136.888		136.888			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				71.862		71.862			
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM				26.450		26.450			
	Hội Liên hiệp Phụ nữ				47.539		47.539			
	Hội Cựu chiến binh				13.481		13.481			



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Nông dân				28.692		28.692			
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.576.740		3.576.740	1.163.257		1.163.257	32,52		32,52
10	Chi cho công tác xã hội	232.395		232.395	53.238		53.238	22,91		22,91
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				53.238		53.238			
	Khác									
11	Chi khác	426.253		426.253	107.272		107.272	25,17		25,17
	Chi khác									
	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									

